

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/DS-ST

Ngày: 22-8-2024

V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố
văn bản công chứng vô hiệu,
tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Thành Phương.
- Ông Nguyễn Văn Tạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Minh L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

- Ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1985;
- Bà Trần Nguyễn Đoan T, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Số A, Tổ G, ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Trần Nguyễn Đoan T:
Ông Phạm Hữu Y, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An
(theo văn bản ủy quyền ngày 29/6/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1;

Địa chỉ trụ sở: Số B, đường N, khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D – Trưởng văn phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2024, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn ông Võ Minh L như sau:

Ông và ông K là bạn bè quen biết nhau. Ông có cho vợ chồng ông K vay tiền nhiều lần, tính đến ngày 08/11/2022 tổng cộng số tiền vay là 400.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền, có chữ ký của ông K, theo hợp đồng vay tiền thì hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 3 tháng tính từ ngày 08/11/2022, lãi suất là thỏa thuận 2,5% tháng. Vợ chồng ông K, bà T trả lãi cho ông từ ngày vay cho đến tháng 6/2023 thì ngưng không trả lãi và cũng không hoàn trả tiền vốn cho ông.

Để đảm bảo cho khoản vay này thì ông và vợ chồng ông K, bà T có xác lập với nhau:

- Hợp đồng ủy quyền số công chứng 36234, quyển số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 giữa ông Võ Minh L và ông Nguyễn Hồng K, bà Trần Nguyễn Đoàn T, nội dung ủy quyền đối với thửa đất số 501, tờ bản đồ số 12, diện tích 811m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Di chúc số công chứng 36235, quyển số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 tại Văn phòng C của ông Nguyễn Hồng K, bà Trần Nguyễn Đoàn T đối với thửa đất số 501, tờ bản đồ số 12, diện tích 811m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đồng thời, vợ chồng ông K giao cho ông giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 501 do bà T đứng tên. Hiện tại, ông đang còn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, ông chưa làm thủ tục chuyển nhượng tặng cho sang tên quyền sử dụng đất thửa 501 cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác.

Về việc ký hợp đồng ủy quyền và di chúc ngày 28/11/2022 là nhằm mục đích để đảm bảo cho khoản vay 400.000.000 đồng theo hợp đồng vay chứ không phải ý chí của ông K, bà T ủy quyền và để lại tài sản cho ông. Do nhận thấy việc hai bên ký hợp đồng ủy quyền và di chúc là giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên vô hiệu Hợp đồng ủy quyền số công chứng 36234, quyển số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 giữa ông Võ Minh L và ông Nguyễn Hồng K, bà Trần Nguyễn Đoàn T.

2. Tuyên vô hiệu Di chúc số công chứng 36235, quyền số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 tại Văn phòng C của ông Nguyễn Hồng K, bà Trần Nguyễn Đoan T.

3. Yêu cầu ông K, bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay vốn là 400.000.000 đồng. Về tiền lãi trước đây ông yêu cầu trả lãi tính từ ngày 08/6/2023 đến ngày 13/5/2024 với lãi suất 2,5% là 11.665.000 đồng, lãi của lãi quá hạn với lãi suất 0,83% là 10.350.000 đồng, tổng cộng lãi là 122.015.000 đồng. Nay ông thay đổi về số tiền lãi cụ thể yêu cầu vợ chồng ông K trả lãi cho ông tính từ ngày 08/7/2023 đến ngày 08/6/2024 với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng, thành tiền làm tròn là 65.000.000 đồng. Còn các khoản tiền lãi khác ông tự nguyện từ bỏ, không yêu cầu vợ chồng ông K trả. Tổng cộng vốn và lãi yêu cầu là 465.000.000 đồng. Ngoài ra, cũng không yêu cầu tính lãi tiếp tục từ ngày 09/6/2024 đến nay mà chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả khi yêu cầu thi hành án.

Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông sẽ tự nguyện trả lại cho vợ chồng ông K và bà T khi bà T, ông K trả lại tiền cho ông.

Về thời gian và phương thức trả nợ: Vợ chồng ông K đề nghị được trả dần số nợ mỗi tháng từ 1- 2 triệu đồng thì ông không đồng ý. Ông tự nguyện cho vợ chồng ông K thời gian 3 tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm 22/8/2024 để tự nguyện trả nợ cho ông.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng K trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Ông và ông L là bạn bè quen biết nhau nhiều năm. Ông thừa nhận có vay của ông L số tiền 400.000.000 đồng theo hợp đồng vay là đúng, thời gian vay là 3 tháng, lãi suất là 2,5% tháng, mục đích vay tiền là để vợ chồng làm vốn làm ăn, chăn nuôi tôm. Ông trả lãi từ ngày vay 08/11/2022 đến tháng 6/2023 thì ngưng. Do việc làm ăn thất bại nên ông không có khả năng trả lãi tiếp và trả vốn cho ông L.

Để đảm bảo cho việc vay tiền thì ông và vợ là bà Trần Nguyễn Đoan T có ký:

- Hợp đồng ủy quyền số công chứng 36234, quyền số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 giữa ông Võ Minh L và ông Nguyễn Hồng K, bà Trần Nguyễn Đoan T, nội dung ủy quyền đối với thửa đất số 501, tờ bản đồ số 12, diện tích 811m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Di chúc số công chứng 36235, quyền số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 tại Văn phòng C của ông Nguyễn Hồng K, bà Trần Nguyễn Đoan T đối với thửa đất số 501, tờ bản đồ số 12, diện tích 811m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đồng thời, vợ chồng ông cũng đã giao cho ông L giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này. Hiện tại thửa đất này vẫn do vợ chồng ông quản lý sử dụng.

Việc hai bên ký hợp đồng ủy quyền và di chúc là giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay nên nay ông đồng ý với yêu cầu vô hiệu Hợp đồng ủy quyền và vô hiệu di chúc của ông L.

Đối với số tiền vay thì ông thừa nhận hiện còn nợ ông L số tiền vay vốn là 400.000.000 đồng. Nay ông đồng ý trả cho ông L số tiền vốn 400.000.000 đồng. Về số tiền lãi tính từ ngày 08/7/2023 đến 08/6/2024 ông L yêu cầu thì do hiện tại ông không có khả năng kinh tế để trả nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông không trả lãi. Đối với số tiền lãi ông đã trả từ ngày vay cho đến ngày 08/6/2023, trong trường hợp có vượt quá so với quy định của pháp luật cho phép thì ông cũng không yêu cầu Tòa án tính để khấu trừ lại cho vợ chồng ông vì ông nhận thấy đây là do hai bên tự thỏa thuận ban đầu nên ông chấp nhận.

Về thời gian thanh toán nợ: Hiện tại hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng ông khó khăn nên ông đề nghị được trả dần số nợ mỗi tháng trả 1- 2 triệu cho đến khi hết nợ. Ông không có khả năng thanh toán nợ cho ông L trong thời gian 3 tháng như ông L yêu cầu nên ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 501 do bà T đứng tên chủ sử dụng mà ông L đang giữ thì ông đề nghị ông L trả lại cho vợ chồng ông. Nếu ông L không trả thì vợ chồng ông đề nghị được quyền liên hệ đăng ký cấp giấy đối với thửa 501 này theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Trần Nguyễn Đoàn T do ông Phạm Hữu Y đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Vợ chồng bà T với ông L là chỗ anh em bạn bè ngoài xã hội. Bà T có cùng với ông K đến Văn phòng công chứng để ký Di chúc số công chứng 36235, quyển số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 và Hợp đồng ủy quyền số công chứng 36234, quyển số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 liên quan đến thửa đất số 501, tờ bản đồ số 12, diện tích 811m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, Giấy chứng nhận do bà T đứng tên. Việc lập Di chúc và hợp đồng ủy quyền chỉ nhằm để đảm bảo cho việc vay tiền giữa vợ chồng bà T với ông L. Do đó, nay đối với yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền và Di chúc của ông L thì bà T đồng ý.

Về nội dung vay mượn tiền với ông L thì bà T cũng thừa nhận vợ chồng bà T, ông K có vay số tiền 400.000.000 đồng của ông L, nội dung đúng như ông L đã trình bày. Mục đích khi vay tiền là để vợ chồng làm vốn làm ăn, nuôi tôm nhưng do việc làm ăn của vợ chồng thất bại dẫn đến không có khả năng hoàn trả tiền vay cho ông L. Nay bà T đồng ý cùng ông K liên đới trả nợ vay cho ông L số tiền vốn là 400.000.000 đồng, tiền lãi 65.000.000 đồng ông L yêu cầu thì ông biết là phù hợp theo quy định pháp luật nên không có ý kiến, tuy nhiên ông cũng cùng ý kiến với ông K đề nghị xem xét không trả lãi. Đối với số tiền lãi đã trả từ

ngày vay cho đến ngày 08/6/2023 thì bà T cũng không yêu cầu tính lại để khấu trừ lãi trong trường hợp vượt quá quy định pháp luật.

Về thời gian trả nợ ông L yêu cầu 3 tháng thì bà T và ông K không có khả năng nên không đồng ý, đề nghị trả dần mỗi tháng từ 1 đến 2 triệu cho đến khi hết nợ.

Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 501, tờ bản đồ số 12, diện tích 811m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang do bà T đứng tên chủ sử dụng đất mà ông L đang giữ thì ông đề nghị ông L trả lại cho bà T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 trình bày ý kiến tại văn bản số 89/CV.VPCC và 90/CV.VPCC cùng ngày 30/5/2024 như sau: Việc công chứng Hợp đồng ủy quyền số công chứng 36234, quyền số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 và Di chúc số công chứng 36235, quyền số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 được thực hiện đúng quy trình, hồ sơ đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật. Nay, Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Các đương sự trình bày ký hợp đồng ủy quyền và Di chúc ngày 28/11/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 là nhằm đảm bảo cho hợp đồng vay tiền giữa các bên. Nguyên đơn có cung cấp giấy vay tiền, sự việc này bị đơn cũng trình bày thống nhất. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng ủy quyền và Di chúc là giả tạo, che giấu cho hợp đồng vay tài sản. Do đó hợp đồng vị vô hiệu theo quy định tại Điều 122, 124 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ theo giấy vay tiền và sự thừa nhận của bị đơn có cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền vốn 400.000.000 đồng nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền vốn vay 400.000.000 đồng. Về tiền lãi đã trả bị đơn không yêu cầu khấu trừ lại nên đề nghị không xem xét giải quyết, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 08/7/2023 đến ngày 08/6/2024 số tiền là 65.000.000 đồng, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên đề nghị chấp nhận. Về thời gian trả nợ bị đơn đề nghị trả dần mỗi tháng 1 đến 2 triệu nhưng nguyên đơn không đồng ý, nguyên đơn tự nguyện cho bị đơn thời gian thanh toán nợ là 3 tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm 22/8/2024 là có lợi cho bị đơn nên đề nghị chấp nhận. Ông L đang giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DG 088031, số vào sổ cấp GCN: CS09466 ngày 24/5/2022

do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Trần Nguyễn Đoan T và đồng ý trả lại cho ông K, bà T, đây là ý chí tự nguyện của ông L nên đề nghị ghi nhận.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Võ Minh L khởi kiện yêu cầu vô hiệu Hợp đồng ủy quyền và Di chúc ngày 28/11/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1, yêu cầu ông Nguyễn Hồng K và bà Trần Nguyễn Đoan T trả số tiền vay vốn 400.000.000 đồng, căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố vô hiệu công chứng vô hiệu, tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Bị đơn ông Nguyễn Hồng K và bà Trần Nguyễn Đoan T có nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào khoản 3, khoản 11 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 do ông Nguyễn Văn D đại diện theo pháp luật vắng mặt và có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng ủy quyền số công chứng 36234, quyền số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 giữa ông Võ Minh L và ông Nguyễn Hồng K, bà Trần Nguyễn Đoan T, về việc ông L nhân danh ông K, bà T thực hiện quản lý, sử dụng, cho thuê, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp đối với thửa đất số 501, tờ bản đồ số 12, diện tích 811m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang và Di chúc số công chứng 36235, quyền số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 tại Văn phòng C của ông Nguyễn Hồng K, bà Trần Nguyễn Đoan T đối với thửa đất số 501, tờ bản đồ số 12, diện tích 811m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Hai bên thực hiện giao dịch ủy quyền và lập Di chúc tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 là đúng quy định tại Khoản 2, Điều 55 Luật công chứng. Tuy nhiên, các đương sự đều trình bày thống nhất mục đích vợ chồng ông K, bà T ký tên vào hợp đồng ủy quyền và di chúc này nhằm để vay của ông L số tiền 400.000.000 đồng (theo Giấy vay tiền ngày 08/11/2022), Giấy vay tiền do ông K trực tiếp ký tên, viết họ tên trước thời điểm lập hợp đồng ủy quyền và Di chúc. Trên thực tế thửa đất số 501 vẫn do vợ chồng ông K, bà T quản lý sử dụng, không có việc giao đất cho ông L quản lý như thỏa thuận trong Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy quyền chưa được thực hiện. Do đó, có cơ sở xác định việc

ký hợp đồng ủy quyền cùng với di chúc là giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản giữa các bên.

Từ những phân tích trên xét thấy hợp đồng ủy quyền số công chứng 36234, quyền số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 giữa ông Võ Minh L và ông Nguyễn Hồng K, bà Trần Nguyễn Đoan T và Di chúc số công chứng 36235, quyền số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 của ông Nguyễn Hồng K, bà Trần Nguyễn Đoan T cùng được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 là vô hiệu do giả tạo nhằm che giấu một giao dịch khác được quy định tại Điều 122, Điều 124 Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Minh L về việc vô hiệu hợp đồng ủy quyền và Di chúc là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về hợp đồng vay tài sản bị che giấu trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày ngày 08/11/2022, ông L có cho vợ chồng ông K vay số tiền 400.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền, có chữ ký của ông K. Hiện tại, vợ chồng ông K còn nợ số tiền vốn vay 400.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông K và bị đơn bà T do ông Y đại diện thừa nhận còn nợ ông L số tiền vốn vay 400.000.000 đồng và ông K bà T đồng ý liên đới trả số tiền này cho ông L, do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc yêu cầu ông K và bà T liên đới trả số tiền vay vốn là 400.000.000 đồng.

Về tiền lãi: theo giấy vay tiền ngày 08/11/2022 thì hai bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%. Các đương sự cũng xác định thống nhất ông K, bà T trả lãi cho ông L từ lúc vay đến tháng 6/2023 với mức lãi suất thỏa thuận là 2,5% tháng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì trường hợp mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá quy định của pháp luật thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Tuy nhiên, ông K và bà T tự nguyện không yêu cầu khấu trừ lại đối với số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét lại đối với số tiền lãi đã trả.

Nguyên đơn xác định yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày 08/7/2023 đến ngày 08/6/2024 với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng. Xác định số tiền lãi từ ngày 08/7/2023 đến ngày 08/6/2024 là $400.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng} \times 1,66\% / \text{tháng} = 73.040.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông L xác định chỉ yêu cầu trả tiền lãi là 65.000.000 đồng, còn các khoản tiền lãi khác ông L tự nguyện từ bỏ, không yêu cầu vợ chồng ông K trả. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là có lợi cho ông K, bà T và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: vợ chồng ông K đề nghị được trả dần số nợ, mỗi tháng trả từ 1 đến 2 triệu cho đến khi dứt nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên thỏa thuận. Việc vợ chồng ông K chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng quyền lợi của bên có quyền và theo quy định của pháp luật cũng không có quy định cho trả dần. Do đó, đề nghị này của vợ chồng ông K không được Hội đồng xét xử chấp

nhận. Nguyên đơn ông L tự nguyện cho vợ chồng ông K thời gian thanh toán nợ là 03 tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/8/2024) là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông K và bà T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông L số tiền vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 65.000.000 đồng trong thời gian 03 tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/8/2024).

[3] Hiện nay ông Võ Minh L đang giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DG 088031, số vào sổ cấp GCN: CS09466 ngày 24/5/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Trần Nguyễn Đoàn T, tại thửa đất số 501, tờ bản đồ số 12, diện tích 811m², loại đất đất ở tại nông thôn, tại địa chỉ ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang và đồng ý trả lại cho ông K, bà T nên ghi nhận.

[4] Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc ông K, bà T phải liên đới chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 22.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông L.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 122, Điều 124, Điều 131, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Minh L với bị đơn ông Nguyễn Hồng K, bà Trần Nguyễn Đoàn T.

1. Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số công chứng 36234, quyển số 7/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 giữa ông Võ Minh L và ông Nguyễn Hồng K, bà Trần Nguyễn Đoàn T là vô hiệu.

2. Tuyên bố Di chúc số công chứng 36235, quyển số 37/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 của ông Nguyễn Hồng K, bà Trần Nguyễn Đoàn T là vô hiệu.

3. Buộc ông Nguyễn Hồng K, bà Trần Nguyễn Đoàn T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Võ Minh L số tiền vay vốn là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 65.000.000 đồng. Tổng cộng: 465.000.000 (*Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi lăm triệu*) đồng, trong thời gian 03 (ba) tháng tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/8/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 375; Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Ghi nhận ông Võ Minh L có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Hồng K và bà Trần Nguyễn Đoàn T một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DG 088031, số vào sổ cấp GCN: CS09466 ngày 24/5/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Trần Nguyễn Đoàn T, tại thửa đất số 501, tờ bản đồ số 12, diện tích 811m², loại đất đất ở tại nông thôn, tại địa chỉ ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp, ông Võ Minh L không giao trả một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hồng K và bà Trần Nguyễn Đoàn T thì ông Nguyễn Hồng K và bà Trần Nguyễn Đoàn T có quyền liên hệ Cơ quan Tài nguyên và Môi trường, Cơ quan Đăng ký đất đai có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 501, tờ bản đồ số 12, diện tích 811m², loại đất đất ở tại nông thôn, tại địa chỉ ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo quy định pháp luật về đất đai.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Hồng K và bà Trần Nguyễn Đoàn T có nghĩa vụ liên đới nộp 600.000 đồng án phí dân sự không giá ngạch và 22.600.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. H lại ông Võ Minh L 13.040.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010653, 0010654 và 0010655 cùng ngày 24/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quyền

